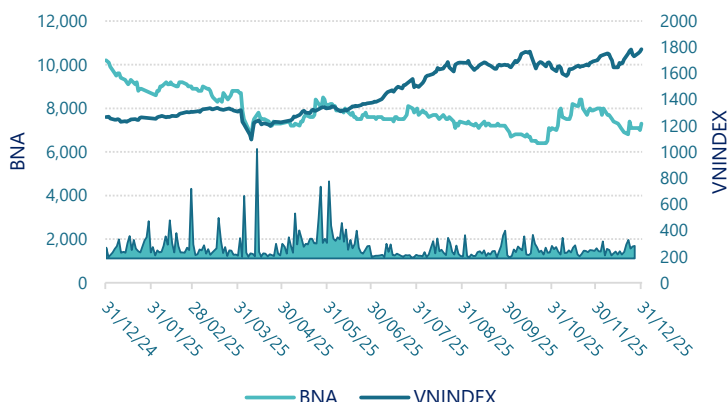


CTCP Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (HNX: BNA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
SL cổ phiếu LH	31,249,394
KLGD BQ 20 phiên (CP)	183,117
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	228
P/E	4.7
EPS	1,556

DT thuần

Q4/25

705

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 331 | 88.6%

YoY: ▲ 75.0 | 12.0%

LN sau thuế

Q4/25

8.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 48.6 | -84.4%

YoY: ▼ 4.03 | -31.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.9%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

1,942

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 216 | 12.5%

LN sau thuế

2025

49.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 5.30 | -9.7%

ROE

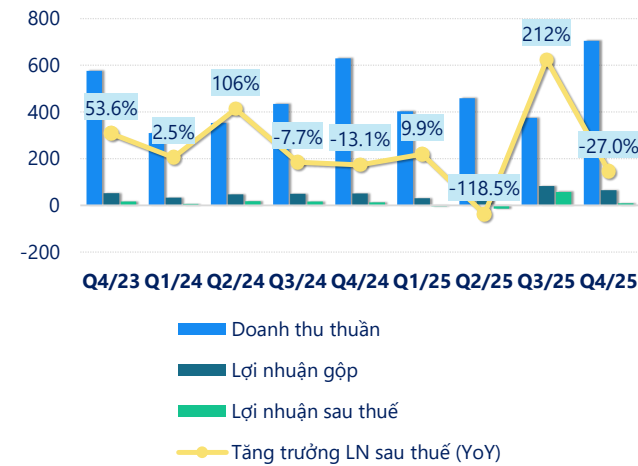
2025

8.7%

+/- YoY: ▼ 1.7%

tỷ VNĐ

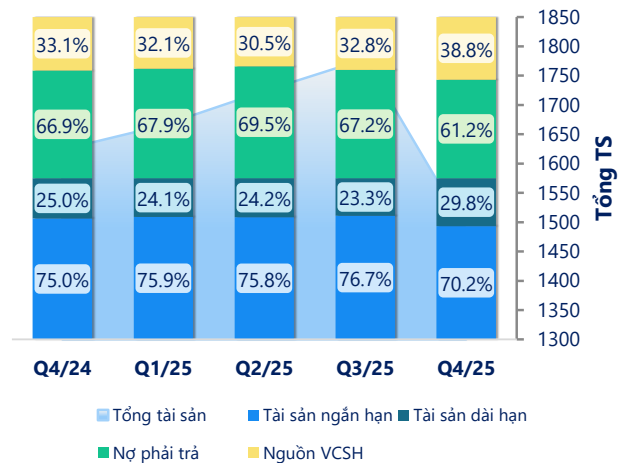
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

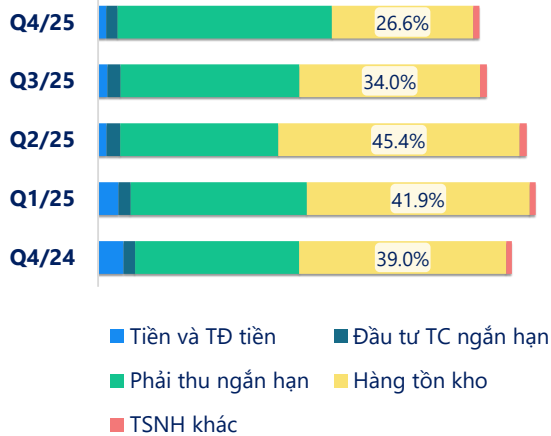
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



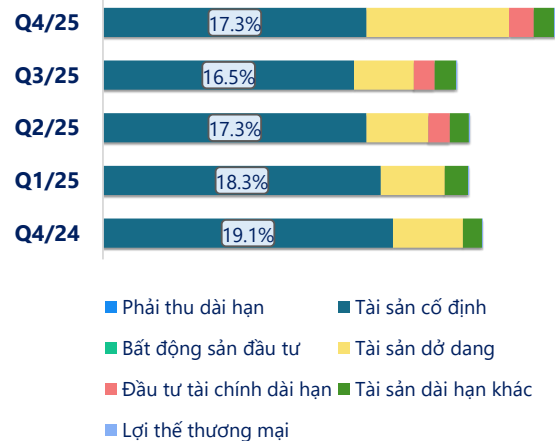
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

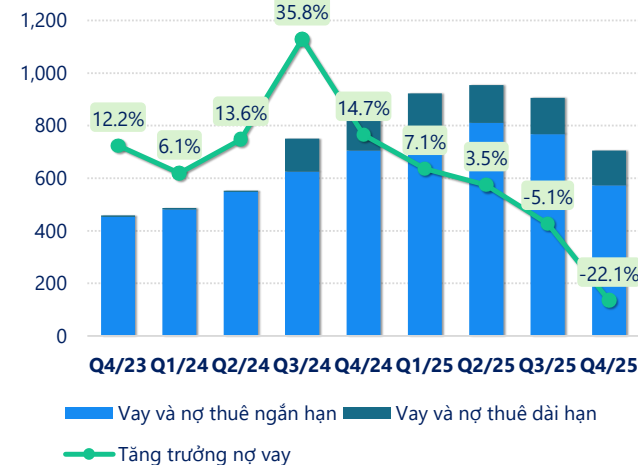
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

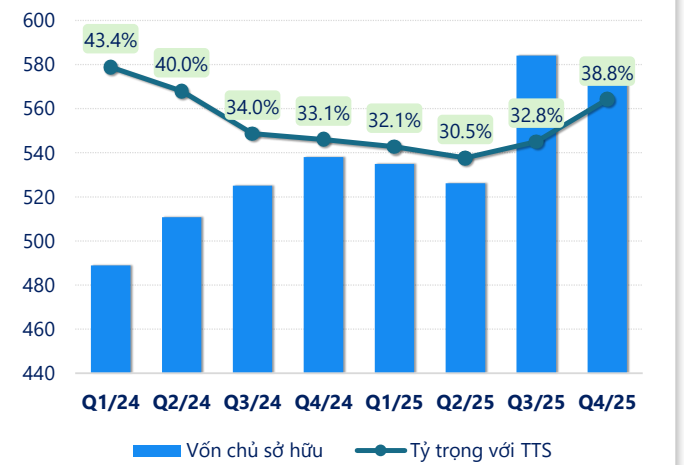
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

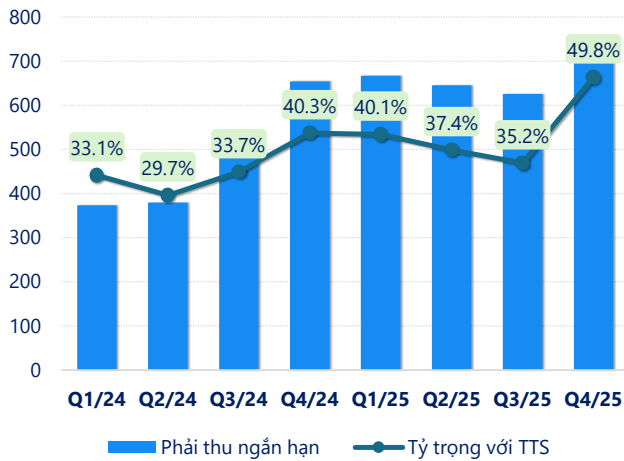
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



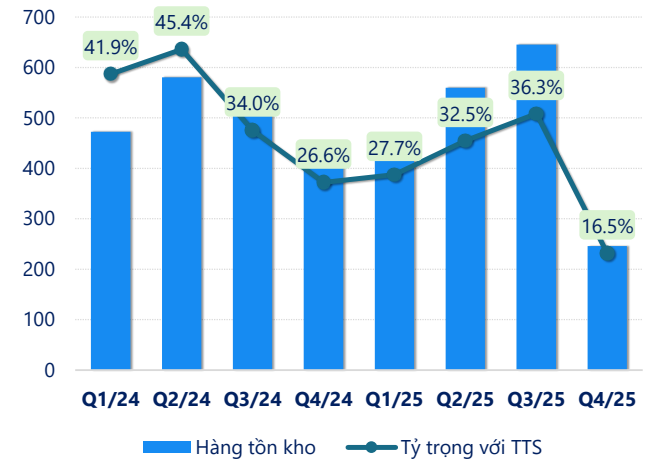
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


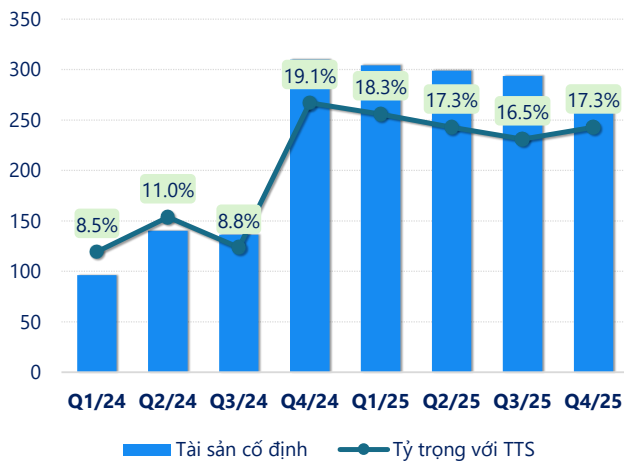
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


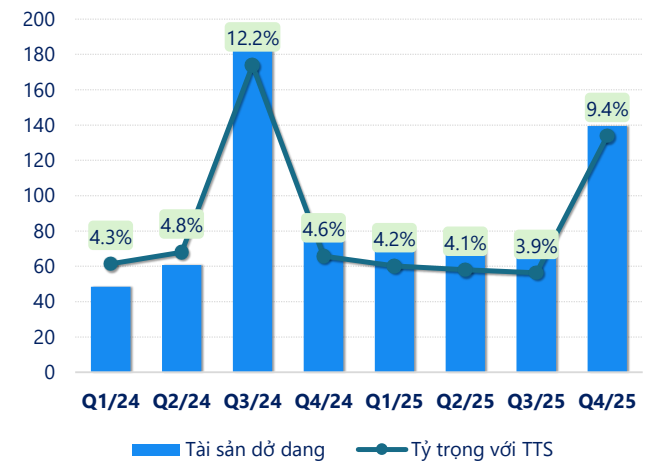
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

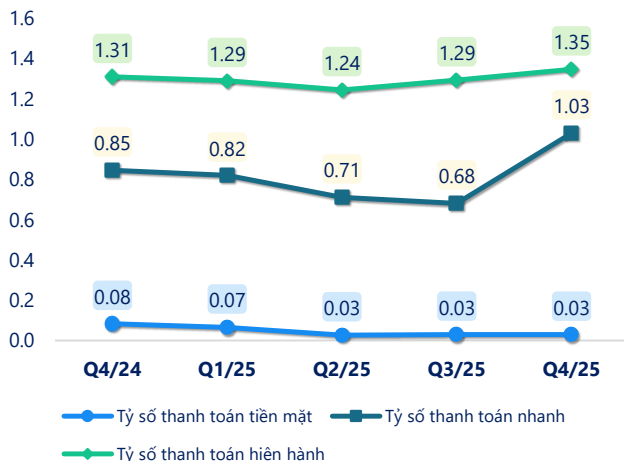
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

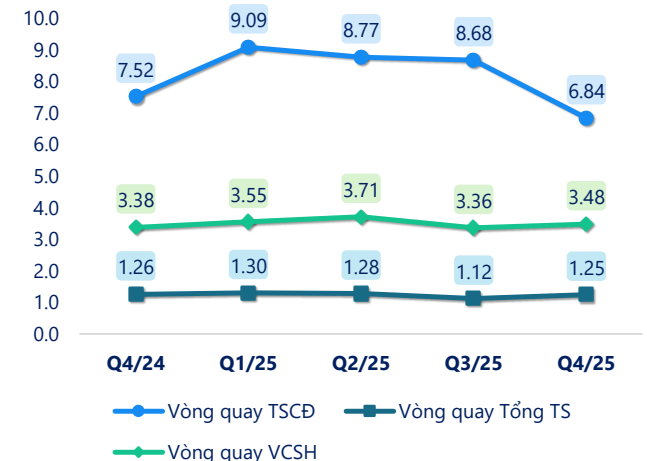
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,624	1,665	1,724	1,779	1,487
Tài sản ngắn hạn	1,218	1,264	1,307	1,364	1,044
Tiền và tương đương tiền	77.4	63.9	27.9	31.5	22.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.9	54.5	54.8	40.8	30.2
Phải thu ngắn hạn	654	667	645	625	740
Hàng tồn kho	432	461	560	646	246
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	17.9	19.8	20.3	5.20
Tài sản dài hạn	406	401	416	415	443
Phải thu dài hạn	0.15	0.15	0.15	0.38	0.15
Tài sản cố định	310	304	299	293	258
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	74.7	70.1	70.1	70.1	139
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	24.4	24.4	24.1
Tài sản dài hạn khác	20.4	25.6	21.6	25.1	20.0
Lợi thế thương mại	1.16	1.09	1.32	1.32	1.04
Nợ phải trả	1,086	1,130	1,197	1,194	910
Nợ ngắn hạn	930	980	1,050	1,054	775
Vay và nợ thuê ngắn hạn	706	772	810	767	572
Phải trả người bán ngắn hạn	137	110	151	121	104
Nợ dài hạn	156	151	147	140	135
Vay và nợ thuê dài hạn	155	150	144	139	133
Nguồn vốn chủ sở hữu	538	535	526	584	577
Vốn chủ sở hữu	538	535	526	584	577
Vốn điều lệ	312	312	312	312	312
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)